

TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN

*

Số 1689-CV/TU

V/v tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Điện Biên, ngày 04 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Ban cán sự đảng UBND tỉnh.

Thực hiện Công văn số 4443-CV/BKTTW, ngày 29/3/2024 của Ban Kinh tế Trung ương về việc tổng kết thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội (gửi kèm Công văn này); Thường trực Tỉnh ủy yêu cầu Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh:

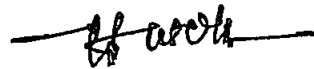
1. Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội theo hình thức phù hợp.

2. Tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy: (1)- Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư theo yêu cầu của Ban Kinh tế Trung ương; (2)- Nội dung tham luận tại Hội thảo khoa học với chủ đề: "Hiệu quả thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư khóa XI, góp phần tích cực trong công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên", gửi Thường trực Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) trước ngày 25/5/2024 để xem xét, báo cáo Ban Kinh tế Trung ương.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- UBND tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Mùa A Sơn

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN KINH TẾ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

*

Số 4443-CV/BKTTW

V/v tổng kết thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW về
tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN

ĐIỆN BIÊN
Số 320, ngày 4/4/2024
Chuyên:
Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Tỉnh ủy Điện Biên

Thực hiện Chương trình làm việc của Ban Bí thư Trung ương năm 2024, Ban Kinh tế Trung ương được giao nhiệm vụ chủ trì tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 40-CT/TW).

Để có cơ sở xây dựng báo cáo trình Ban Bí thư, Ban Kinh tế Trung ương đề Tỉnh ủy:

- Xây dựng Báo cáo tổng kết theo đề cương gửi kèm; chuẩn bị tham luận Hội thảo khoa học với chủ đề: “Hiệu quả của Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư khóa XI góp phần tích cực trong công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên”. Báo cáo tổng kết và tham luận hội thảo (bản in và file) gửi về Ban Kinh tế Trung ương (Vụ Xã hội) trước ngày 30/5/2024.

- Biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong triển khai, thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW theo thẩm quyền.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết Chỉ thị số 40-CT/TW chậm nhất vào ngày 31/7/2024 và thông báo thời gian, địa điểm và nội dung Hội nghị tổng kết cho Ban Kinh tế Trung ương.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên,
- PTB điều hành Nguyễn Duy Hưng (để b/c),
- Vụ Xã hội (03b),
- Lưu Văn phòng Ban.

PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Hồng Sơn

Chi tiết xin liên hệ: Đồng chí Tổng Thu Huyền, Vụ Xã hội (Điện thoại: 080.44873/0989655596; email: huyentt@kinhtetronguong.vn, thuhuyen1511@gmail.com).



BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG
ĐỀ CƯƠNG
Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW,
ngày 22/11/2010 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác tín dụng chính sách xã hội
(Ban hành kèm theo Công văn số 3333-CV/BKTTW, ngày 29 tháng 3 năm 2024
của Ban Kinh tế Trung ương)

MỞ ĐẦU

Khái quát về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; những nhiệm vụ chính của tỉnh ủy/thành ủy trong triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 22/11/2010 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 40-CT/TW) và Kết luận số 06-KL/TW, ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW (sau đây gọi tắt là Kết luận số 06-KL/TW).

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 40-CT/TW

(Số liệu báo cáo từ cuối năm 2014 đến ngày 30/4/2024)

I. Tình hình nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW

1. Kết quả đạt được

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và tuyên truyền Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW

- Ở cấp tỉnh, thành phố (tỉnh ủy, thành ủy; các sở, ngành có liên quan; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh).

- Ở cấp huyện, cấp xã

1.2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và ban hành kế hoạch, chương trình hành động triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW

- Ở cấp tỉnh, thành phố (tỉnh ủy, thành ủy; các sở, ngành có liên quan; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh).

- Ở cấp huyện, cấp xã

1.3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW

- Ở cấp tỉnh, thành phố (tỉnh ủy, thành ủy; các sở, ngành có liên quan; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh).

- Ở cấp huyện, cấp xã

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và tuyên truyền Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW.

2.2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và ban hành kế hoạch, chương trình hành động triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW.

2.3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW.

II. Đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW

1. Kết quả đạt được

1.1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với tín dụng chính sách xã hội

a. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về tín dụng chính sách xã hội.

b. Lãnh đạo, chỉ đạo đưa hoạt động tín dụng chính sách xã hội thành nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ trọng tâm triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm 2021-2025.

c. Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong việc:

- Củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội.

- Công tác điều tra, xác định đối tượng được vay vốn.

- Công tác phối hợp giữa các hoạt động huấn luyện kỹ thuật, đào tạo nghề và chuyển giao công nghệ với hoạt động cho vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội, giúp người vay sử dụng vốn hiệu quả.

- Xây dựng, lồng ghép mô hình, chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo bền vững của địa phương với việc sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội.

- Công tác phối hợp giữa các ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội với Ngân hàng Chính sách xã hội.

d. Trách nhiệm phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội.

đ. Trách nhiệm nhận ủy thác thực hiện các nội dung được ủy thác của các tổ chức chính trị - xã hội:

- Phối hợp với chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và chính quyền địa phương trong việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội; nắm tình hình sử dụng vốn của người vay.

- Hướng dẫn bình xét đối tượng vay vốn.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, hướng dẫn người vay sử dụng vốn hiệu quả.

- Lồng ghép với các chương trình, dự án của các tổ chức chính trị - xã hội.

- Tư vấn, hướng dẫn xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh điển hình, giúp nhau vươn lên thoát nghèo và làm giàu (nêu một số mô hình điển hình, hiệu quả, thành công).

1.2. Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội

- Kiến nghị ban hành, sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng ưu đãi chung của cả nước; ban hành, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành chuẩn nghèo mới và tiêu chí phân loại, quy trình xác định đối tượng làm căn cứ thực hiện tín dụng chính sách xã hội (đối với những địa phương ban hành chuẩn nghèo cao hơn chuẩn nghèo của cả nước).

1.3. Bố trí, huy động nguồn lực ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội

a. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương huy động các nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án tín dụng chính sách xã hội gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững; tích hợp các chương trình tín dụng chính sách xã hội trong quyết định đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030.

b. Kết quả bố trí, huy động nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Nguồn vốn do chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh huy động.

- Nguồn vốn từ cuộc vận động vì người nghèo do Mặt trận Tổ quốc phát động; nguồn vốn có tính chất từ thiện và các nguồn vốn khác.

1.4. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương

- Chất lượng hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp; kiện toàn tổ chức đảng; công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa ngân hàng.

- Hiệu quả phương thức uỷ thác cho các tổ chức chính trị - xã hội; hoạt động tại các điểm giao dịch cấp xã.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

2.1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với tín dụng chính sách xã hội.

2.2. Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội.

2.3. Bố trí, huy động nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

2.4. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

- Nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với tín dụng chính sách xã hội.

- Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội.

- Tập trung, huy động nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

- Đánh giá hiệu quả của nguồn vốn tín dụng chính sách trên địa bàn: Số hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội; số hộ thoát nghèo; số học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn đi học; số lao động được tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm; số lao động được đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; số công trình nước

sạch và vệ sinh môi trường được xây dựng; số căn nhà cho hộ nghèo và đối tượng chính sách.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với tín dụng chính sách xã hội.

- Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội.

- Bố trí, huy động nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

3. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn, vướng mắc

3.1. Nguyên nhân khách quan

3.2. Nguyên nhân chủ quan

IV. Bài học kinh nghiệm

4.1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với tín dụng chính sách xã hội.

4.2. Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội.

4.3. Bố trí, huy động nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

4.4. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG BỐI CẢNH MỚI

1. Dự báo bối cảnh trong nước, quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với tín dụng chính sách xã hội

1. Bối cảnh trong nước

2. Bối cảnh quốc tế

3. Những vấn đề đặt ra đối với tín dụng chính sách xã hội

II. Nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội

1. Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với tín dụng chính sách xã hội.
2. Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội.
3. Bố trí, huy động nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách xã hội.
4. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn.
5. Nhiệm vụ và giải pháp khác.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ban Bí thư
2. Đối với Quốc hội
3. Đối với Chính phủ
4. Đối với các bộ, ngành Trung ương
5. Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội
6. Đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

PHỤ LỤC 1

**Văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và
Kết luận số 06-KL/TW**

STT	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Tên văn bản
I	Văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW			
1.				
2.				
3.				
II	Văn bản triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/TW			
1.				
2.				
3.				

PHỤ LỤC 2
Tình hình nguồn vốn, sử dụng vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội
giai đoạn 2014-2024

Đơn vị: Triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	NĂM 2014	NĂM 2019				NĂM 2024 (30/4/2024)					
			Tổng số	Tỷ trọng	Tăng/giảm so với năm 2014		Tổng số	Tỷ trọng	Tăng/giảm so với năm 2014		Tăng/giảm so với năm 2019	
					Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)			Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)
A	NGUỒN VỐN											
I	NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG											
1	Nguồn vốn cân đối từ Trung ương chuyển về											
2	Nguồn vốn huy động tại địa phương được TW cấp bù lãi suất											
	- Huy động của Tổ chức, cá nhân											
	- Tiền gửi tiết kiệm thông qua Tổ TK&VV											
II	NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG ỦY THÁC CHO NHCSXH											
B	SỬ DỤNG VỐN											
I	DOANH SỐ CHO VAY											
II	DOANH SỐ THU NỢ											
III	TỔNG DỰ NỢ											

STT	Chỉ tiêu	NĂM 2014	NĂM 2019 :				NĂM 2024 (30/4/2024)					
			Tổng số	Tỷ trọng	Tăng/giảm so với năm 2014		Tổng số	Tỷ trọng	Tăng/giảm so với năm 2014		Tăng/giảm so với năm 2019	
					Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)			Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)
1	Dư nợ nguồn vốn Trung ương											
2	Dư nợ nguồn vốn địa phương											
IV	TỔNG NỢ QUÁ HẠN VÀ NỢ KHOANH											
1	Nợ quá hạn											
2	Nợ khoanh											

PHỤ LỤC 3

**Vốn ủy thác hỗ trợ các nguồn lực khác của địa phương cho Ngân hàng
Chính sách xã hội giai đoạn 2014-2024**

Đơn vị: Triệu đồng, m²

STT	Năm	Vốn nhận ủy thác		Hỗ trợ các nguồn lực khác của địa phương cho NHCSXH					
		Số dư	Tăng/giảm so với năm trước	Trụ sở làm việc (nhà chuyển giao, chuyển nhượng, cấp đất; hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng trụ sở,...)		Tài sản (Ô tô, xe máy, máy vi tính, tài sản khác)		Hỗ trợ khác (giá trị)	Tổng giá trị hỗ trợ
				Diện tích sử dụng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
1	Năm 2014								
2	Năm 2019								
3	Đến 30/4/2024								
Tổng cộng									

PHỤ LỤC 4

Dư nợ cho vay theo đơn vị nhận ủy thác giai đoạn 2014-2024

Đơn vị: Tỷ đồng, %

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2019				Năm 2024 (Đến ngày 30/4/2024)					
		Dư nợ	Tỷ trọng	Dư nợ	Tỷ trọng	Tăng/giảm dư nợ so với năm 2014		Dư nợ	Tỷ trọng	Tăng/giảm dư nợ so với năm 2014		Tăng/giảm dư nợ so với năm 2019	
						Tuyệt đối	Tương đối (%)			Tuyệt đối	Tương đối (%)	Tuyệt đối	Tương đối (%)
1	Hội Phụ nữ												
2	Hội Cựu chiến binh												
3	Hội nông dân												
4	Đoàn Thanh niên												
Tổng cộng													

PHỤ LỤC 5

Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả từ nguồn vốn tín dụng chính sách từ khi có

Chỉ thị số 40-CT/TW

Đơn vị: Tỷ đồng/hộ/hssv/công trình/căn nhà/lao động

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2019		Năm 2024 (Đến ngày 30/4/2024)			
			Tăng/giảm so với năm 2014		Tăng/giảm so với năm 2014		Tăng/giảm so với năm 2019	
			Số tuyệt đối	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
1	Tổng doanh số cho vay							
2	Tổng doanh số thu nợ							
3	Số lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ NHCSXH							
4	Số khách hàng còn dư nợ							
5	Vốn tín dụng chính sách đã góp phần							
5.1	Số hộ vượt qua ngưỡng nghèo							
5.2	Số HSSV có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn đi học							
5.3	Số lao động được tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm							
5.4	Số lao động được đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài							
5.5	Số công trình NS&VSMT được xây dựng							
5.6	Số căn nhà cho hộ nghèo và đối tượng chính sách (bao gồm: nhà theo QĐ 33, nhà trả chậm ĐBSCL và nhà vượt lũ)							